

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 12- 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Du

2. Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thế Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy T**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ G, phường C, thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Vũ Đình T1**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ G, phường C, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2025, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C (cũ), TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ G phường C, TP . và sống hạnh phúc đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp; vợ chồng tôi hiếm muộn nên thường

xảy ra mâu thuẫn, hơn nữa ông Thành công V không ổn định và không có trách nhiệm trong cuộc sống.

Nay cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không có trách nhiệm gì với nhau; vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Vũ Đình T1.

- **Về con chung:** Vợ chồng tôi không có con chung.

- **Về tài sản chung:** Không có;

- **Về nợ chung:** Không có.

* Bị đơn ông Vũ Đình T1 đã được tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông T1 trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Vũ Đình T1 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy T về việc ly hôn với ông Vũ Đình T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với ông Vũ Đình T1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy T xác nhận không có con chung nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thúy T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thúy T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy T nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Vũ Đình T1 kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C (cũ), TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo trình bày của bà T, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp; vợ chồng hiếm muộn nên thường xảy ra mâu thuẫn, ông T1 không có trách nhiệm trong cuộc sống, đến tháng 01/2023 mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, kể từ tháng 01/2023 đến nay bà T và ông T1 đã sống ly thân và không còn tình cảm và trách nhiệm gì với nhau.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy ông Vũ Đình T1 có đăng ký thường trú tại tổ G, phường C, thành phố Đà Nẵng; ông T1 sống cùng cha mẹ tại địa phương.

Về mâu thuẫn gia đình; thời điểm sống cùng gia đình tại địa phương thì địa phương không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T1 và bà T. Tuy nhiên, hiện nay bà T không sống cùng gia đình ông T1 nữa, hiện nay bà T ở đâu địa phương không rõ.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Vũ Đình T1 thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn ông Vũ Đình T1 để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Vũ Đình T1 không có con chung nên không đề cập đến.

- **Về tài sản chung:** Bà T xác nhận không có tài sản chung nên không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Bà T xác nhận không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thúy T phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy T với ông Vũ Đình T1.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với ông Vũ Đình T1.

2. Về con chung: Không đề cập đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thúy T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002659 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm